

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 5 năm 2020
V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và
gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Vĩnh và bà Nguyễn Thị Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung, Thư ký Toà án nhân dân huyện Sông Lô.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Hoàng Miên, kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 190/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST – HNGĐ ngày 14/4/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1981, có mặt.

Địa chỉ: thôn Y, xã T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Anh Tô Quang T, sinh năm 1982, vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Y, xã T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2019, những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tô Quang T kết hôn với nhau ngày 21 tháng 10 năm 2009, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn thì vợ chồng về sống cùng với gia đình anh T tại thôn Y, xã T. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ

chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, từ đó vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và hay cãi nhau, đôi khi anh T còn đánh chị. Nhiều lần chị đã khuyên anh T nhưng anh T không nghe. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 30/12/2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị thấy tình cảm không hàn gắn được nữa và hai bên gia đình không dàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Chị xác định tình cảm với anh T không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu nộp toàn bộ.

Bị đơn anh Tô Quang T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T trình bày phù hợp với chị M về thời gian kết hôn, chung sống, thời gian mâu thuẫn. Anh cũng xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng kết hôn đã lâu mà không có con chung nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, hay cãi chửi nhau, từ đó sống không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm không còn. Nay chị M đề nghị giải quyết ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M, cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Tô Quang T.

Các vấn đề về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị M và anh T không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị M khởi kiện, yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh T, trú tại thôn Y, xã T, huyện Sông Lô. Các đương sự tham gia tố tụng đảm bảo

năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự . Do vậy, Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo đúng theo các quy định tại các Điều 28, 39, 69, 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Tô Quang T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị M với anh T là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo như chị M trình bày là do vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, từ đó vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và hay cãi nhau, đôi khi anh T còn đánh chị.

Anh T cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân do vợ chồng kết hôn đã lâu mà không có con chung nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, hay cãi chửi nhau, từ đó sống không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm không còn.

Qua xác minh tại địa phương nơi chị M và anh T sinh sống thì: Quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn còn nguyên nhân cụ thể như thế nào địa phương không rõ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cả chị M và anh T đều xác nhận vợ chồng không còn tình cảm đề nghị được ly hôn. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Mến, giải quyết cho ly hôn để giải phóng cho các bên đương sự.

[3] Về con chung: Chị M và anh T xác nhận vợ chồng không có con chung.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị M, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M: Cho ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị M và anh Tô Quang T.

2. Về con chung: Chị M anh T không có con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị M, anh T không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ nhưng được trừ số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001667 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị M đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- THA huyện Sông Lô;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Quốc Hồng

